NHTMCP Công thương Việt Nam (CTG - HSX)

Báo cáo nhanh — Ngày 26/6/2025

Mua vào
Giá mục tiêu: VNĐ50,000
Tiềm năng tăng/giảm: 20.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/6/2025)	41,350
Mã Bloomberg	CTG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	30,150-42,650
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	41,117
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	222,049
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,498
Slg CP lưu hành (tr.đv)	5,370
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,611
Slg CP NN được mua (tr.đv)	158
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.1%
Tỷ lệ freefloat	15.8%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (64.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

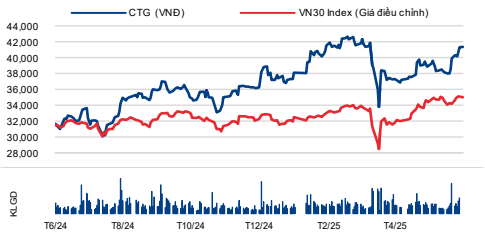

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,385	2,716	3,056
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,722	1,997	2,297
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	81.9	91.2	103
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	31.9	36.9
BVPS (đồng)	27,474	32,766	39,065
EPS (đồng)	4,720	5,937	6,874
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	16.9	16.0	15.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	16.1	11.3	12.5
Tăng trưởng EPS (%)	27.4	25.8	15.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	18.6	19.7	19.1
ROAA (%)	1.15	1.25	1.28
Tỷ lệ NIM (%)	2.93	2.72	2.84
Tỷ lệ CIR (%)	27.5	27.6	27.5
Hệ số CAR (%)	9.56	9.88	10.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.25	1.20	1.20
LLR/nợ xấu (%)	171	174	161
Hệ số LDR (%)	107	108	109
P/B (lần)	1.51	1.26	1.06
P/E (lần)	8.76	6.96	6.02
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietinbank là ngân hàng vốn nhà nước lớn thứ ba về quy mô dư nợ cho vay.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA
Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyên Thanh Tùng, CFA
Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Tín dụng tăng trưởng mạnh; tỷ lệ NIM và chất lượng tài sản ổn định

- Tại hội nghị của HSC, CTG đã công bố tình hình hoạt động trong nửa đầu năm, trong đó tín dụng tăng trưởng mạnh đồng đều (tín dụng tăng 9,2% kể từ đầu năm tính đến cuối tháng 6/2025 nhờ cả phân khúc bán lẻ, doanh nghiệp và FDI) nhưng tỷ lệ NIM vẫn chịu áp lực (tỷ lệ NIM giảm trong Q1 và đi ngang trong Q2; sức ép ngắn hạn vẫn hiện hữu và khả năng sau 2026 mới có sự phục hồi).
- BLĐ đánh giá chất lượng tài sản ổn định và chia sẻ về chiến lược chủ động trích lập dự phòng. Tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,4% (tại thời điểm giữa tháng 6) với tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR ở mức 130-170% dựa theo từng kịch bản. Chi phí dự phòng trong năm 2025 được ước tính ở mức 20-25 nghìn tỷ đồng, trong đó Q1 đã được trích lập sớm, dự kiến giúp chi phí dự phòng ở mức thấp hơn trong thời gian tới nếu chất lượng tín dụng được duy trì.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 50.000đ (tiềm năng tăng giá 21%).

Sự kiện: Hội nghị Emerging Vietnam 2025 của HSC

CTG đã tham dự hội nghị của HSC vào tuần trước và chia sẻ thông tin cập nhật về tăng trưởng tín dụng, sức ép đối với tỷ suất lợi nhuận, chất lượng tài sản cùng các sáng kiến chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả huy động và hoạt động. Những thông tin chính như sau.

Tín dụng tăng mạnh đồng đều, tăng trưởng 9,2% kể từ đầu năm

CTG đã công bố tăng trưởng tín dụng ở mức 9,22% kể từ đầu năm tính đến cuối tháng 6/2025 và ghi nhận tăng trưởng cân bằng ở tất cả các phân khúc chính. Cụ thể như sau:

- Tín dụng bán lẻ chiếm 36-37% tổng danh mục cho vay, tăng 9% kể từ đầu năm, với động lực tiếp tục đến từ cho vay mua nhà và cho vay cá nhân.
- Tăng trưởng cũng đến từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp, DNNVV và doanh nghiệp siêu nhỏ. Điều này cho thấy tăng trưởng tín dụng đến từ nhiều nguồn đa dạng hơn.
- Ngân hàng tích cực cho vay các doanh nghiệp lớn, bao gồm các khách hàng như Vingroup (VIC; Giảm tỷ trọng, giá mục tiêu 85.900đ) và tin rằng sự hồi phục của nền kinh tế sẽ phán ánh trước tiên vào các doanh nghiệp lớn, sau đó lan tỏa tới các DNNVV và khách hàng cá nhân.
- Các khoản vay liên quan tới phân khúc FDI hiện chiếm 6% tổng dư nợ tín dụng, tăng đáng kể nhờ chênh lệch lãi suất giữa Việt Nam và Mỹ thu hẹp.
- Trong khi đó, cho vay phân khúc BOT vẫn đi ngang, từ đó làm giảm tỷ trọng của phân khúc này trong tổng dư nợ tín dụng.

CTG là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tín dụng cao nhất kể từ đầu năm, vượt trội so với các NHTM quốc doanh khác như BID (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 42.500đ) (tăng 5% kể từ đầu năm) và VCB (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 66.300đ) (tăng 4% kể từ đầu năm).

Tỷ lệ NIM gặp sức ép nhưng đang ổn định trở lại

CTG chia sẻ rằng tỷ lệ NIM đã giảm xuống trong Q1/2025, phù hợp với các nỗ lực của ngành Ngân hàng để hỗ trợ nền kinh tế. Trong Q2/2025, tỷ lệ NIM duy trì so với quý trước, cho thấy xu hướng giảm có thể đang dần ổn định. Cho năm 2025-2026, Ngân hàng dự báo tỷ lệ NIM sẽ tiếp tục gặp áp lực, nguyên nhân như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/6.

(Xem tiếp trang 2)

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

- Kế hoạch tăng trưởng tín dụng tham vọng.
- Rủi ro chi phí huy động tăng lên.

Sau năm 2026, CTG dự báo việc nền kinh tế phục hồi mạnh mẽ hơn sẽ giúp mở rộng NIM.

Để bù đắp áp lực lên tỷ suất lợi nhuận, CTG triển khai một số giải pháp như sau:

- Đẩy mạnh tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn và thu hút tiền gửi ngắn hạn.
- Sử dụng linh hoạt các nguồn huy động, bao gồm liên ngân hàng, trái phiếu và nguồn vốn từ khách hàng tổ chức.
- Sử dụng tiền gửi từ KBNN nhờ Nghị định 24 điều chỉnh, cho phép sử dụng nguồn vốn thặng dư linh hoạt hơn để hỗ trợ thanh khoản.

Trong khi CTG tạm thời phải đối mặt với sức ép lên tỷ lệ NIM, động thái chiến lược của Ngân hàng nhằm tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ KBNN và cải thiện cơ cấu tiền gửi có thể giúp giảm bớt biến động về chi phí huy động. Những cải thiện mang tính cấu trúc trong quản lý thanh khoản có thể giúp nâng cao tỷ suất lợi nhuận trong trung hạn.

Chất lượng tài sản vẫn ổn định, chi phí dự phòng được dự báo sẽ giảm xuống

Tại thời điểm giữa tháng 6/2025, tỷ lệ nợ xấu của CTG là 1,4%, cải thiện nhẹ so với 1,55% tại thời điểm cuối Q1/2025.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR được dự báo sẽ dao động trong khoảng như sau:

- 150-170% đối với kịch bản thuận lợi.
- 130% đối với kịch bản thận trọng hơn.

Chi phí dự phòng năm 2025 được dự báo dao động từ 20-25 nghìn tỷ đồng, giữ nguyên so với kế hoạch trước đó của BLĐ. Mặc dù tăng cao trong Q1, chi phí dự phòng được dự báo sẽ giảm xuống trong Q2 dựa trên giả định chất lượng tài sản ổn định.

Chiến lược trích lập dự phòng của CTG cho thấy lập trường thận trọng, tình hình chất lượng tài sản của Ngân hàng vẫn trong biên độ an toàn, tuy nhiên vẫn cần thận trọng, đặc biệt là đối với những ngành phục hồi chậm như xây dựng, vật liệu xây dựng và BOT.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào cho CTG với giá mục tiêu giữ nguyên là 50.000đ (tiềm năng tăng giá 21%). CTG đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,16 lần, thấp hơn đáng kể so với các NHTM tương đồng như BID (1,39 lần) và VCB (1,79 lần).

Chúng tôi giữ nguyên dự báo cho năm 2025 với LNTT đạt 40 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 26%) dựa trên kỳ vọng đà tăng trưởng lợi nhuận sẽ mạnh mẽ hơn kể từ Q2.

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	133	124	140	166	192
Chi phí lãi	(79.7)	(62.1)	(72.4)	(86.6)	(98.4)
Thu nhập lãi thuần	**53.0**	**62.4**	**67.3**	**79.7**	**93.3**
Lãi thuần HĐ dịch vụ	7.11	6.70	7.17	7.79	8.47
Lãi thuần HĐ KDNH	4.25	4.20	4.41	4.63	4.86
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.14	(0.20)	0.70	0.15	0.15
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.29	0.39	0.41	0.43	0.45
Thu nhập khác	5.80	8.42	11.2	9.83	10.4
Tổng thu nhập HĐ	**70.5**	**81.9**	**91.2**	**103**	**118**
Chi phí HĐ	(20.4)	(22.5)	(25.2)	(28.2)	(31.7)
LN trước dự phòng	**50.1**	**59.4**	**66.0**	**74.3**	**85.9**
Chi phí dự phòng	(25.1)	(27.6)	(26.0)	(28.0)	(32.0)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	**25.0**	**31.8**	**40.0**	**46.3**	**53.9**
Chi phí thuế TNDN	(4.94)	(6.28)	(8.01)	(9.27)	(10.8)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.14)	(0.13)	(0.14)	(0.15)	(0.16)
Lợi nhuận thuần	**19.9**	**25.3**	**31.9**	**36.9**	**43.0**
EPS (đồng)	3,706	4,720	5,937	6,874	8,006
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	12.4	17.4	13.9	12.5	12.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	15.6	16.9	16.0	15.0	14.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.9	13.9	15.0	14.0	14.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.9	15.2	15.4	15.4	14.6
Tăng trưởng VCSH (%)	16.2	18.0	19.3	19.2	18.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	10.8	17.8	7.89	18.4	17.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	6.51	10.3	11.6	12.2	12.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	11.5	18.5	11.2	12.6	15.6
Tăng trưởng LNTT (%)	18.3	27.1	26.0	15.7	16.4
Tăng trưởng LN thuần (%)	17.6	27.4	25.8	15.8	16.5
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.67	3.71	3.57	3.55	3.63
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.06)	(1.02)	(0.99)	(0.98)	(0.98)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.7	96.3	97.2	97.2	97.2
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.86	3.31	3.65	4.07	4.62
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	17.8	22.7	28.6	33.1	38.5
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	11.2	8.76	6.96	6.02	5.16
P/B (lần)	1.78	1.51	1.26	1.06	0.89
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	9.76	11.1	19.4	21.1	24.0
Tiền gửi tại NHNN	40.6	34.4	38.8	46.3	52.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	280	378	416	437	459
Chứng khoán kinh doanh	2.49	2.80	2.80	2.96	3.05
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	**1,446**	**1,685**	**1,956**	**2,253**	**2,569**
Tổng dư nợ cho vay	1,473	1,722	1,997	2,297	2,619
Dự phòng rủi ro	(27.8)	(36.7)	(41.7)	(44.4)	(49.7)
Chứng khoán đầu tư	**181**	**215**	**224**	**234**	**247**
CK đầu tư sẵn sàng để bán	181	189	198	208	218
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0.86	26.6	26.6	26.6	29.3
Dự phòng rủi ro	(0.25)	(0.59)	(0.59)	(0.59)	(0.59)
Đầu tư dài hạn	3.43	3.93	3.93	3.93	3.93
Tài sản cố định	10.1	10.0	9.86	9.73	9.59
Tài sản khác	59.6	44.7	45.6	47.9	52.7
Tổng tài sản	**2,033**	**2,385**	**2,716**	**3,056**	**3,421**
Nợ phải trả	**1,907**	**2,237**	**2,539**	**2,845**	**3,170**
Tiền gửi của NHNN	21.8	154	162	113	68.0
Tiền gửi của các TCTD khác	304	276	295	331	354
Tổng tiền gửi KH	1,411	1,606	1,847	2,106	2,401
Trái phiếu và CCTG	115	152	182	237	284
Nợ khác	53.8	48.1	52.7	57.7	63.3
Vốn chủ sở hữu	**125**	**148**	**176**	**210**	**249**
Vốn điều lệ	53.7	53.7	53.7	53.7	53.7
Thặng dư vốn cổ phần	8.97	8.97	8.97	8.97	8.97
Lợi nhuận giữ lại	42.4	58.4	80.7	107	137
Quỹ & vốn khác của CSH	20.0	26.5	32.6	40.4	49.5
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.86	0.97	1.11	1.26	1.42
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	**2,033**	**2,385**	**2,716**	**3,056**	**3,421**
BVPS (đồng)	23,279	27,474	32,766	39,065	46,458

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	28.2	30.9	35.0	36.0	36.6
ROAA (%)	1.04	1.15	1.25	1.28	1.33
ROAE (%)	17.1	18.6	19.7	19.1	18.7
Chi phí huy động BQ (%)	4.55	3.07	3.10	3.29	3.34
Lợi suất gộp BQ (%)	7.30	5.85	5.64	5.93	6.09
Lợi suất thuần (%)	2.75	2.78	2.54	2.65	2.75
Tỷ lệ NIM (%)	2.91	2.93	2.72	2.84	2.96
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.1	8.17	7.86	7.60	7.20
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.1	76.2	73.8	77.7	79.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.9	15.6	18.3	14.7	13.5
Tỷ lệ CIR (%)	29.0	27.5	27.6	27.5	26.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.31	9.56	9.88	10.3	10.8
VCSH/Tổng TS (%)	6.15	6.18	6.48	6.87	7.29
Đòn bẩy vốn (lần)	16.3	16.2	15.4	14.6	13.7
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.13	1.25	1.20	1.20	1.20
Hệ số LLR (%)	167	171	174	161	158
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	107	108	109	109
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	16.6	13.6	12.7	12.4	11.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	72.5	72.2	73.5	75.2	76.5
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,116	1,116	1,116	1,116	1,116
Số lượng nhân viên	24,642	24,731	24,978	25,228	25,480

*Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.*
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH
Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)